

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠNG GIANG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn La

2. Ông Chu Quốc Đạt.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 137/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện LG giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1981 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn ND, xã ĐM, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1977 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn Khoátl, xã Nghĩa Hưng huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

(Chị H, anh H1 vắng mặt, đều xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H1 trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02/01/2002 tại UBND xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh H1 làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình nhà cH. Thời gian đầu, vợ cH chung sống hoà thuận. Đến năm 2017 vợ cH nảy sinh mâu

thuần, nguyên nhân là do vợ c H không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H1 thường xuyên rượu chè, không chịu làm ăn, đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà. Thời điểm đầu năm 2021, do mâu thuẫn trầm trọng nên chị và anh H1 ly thân, chị về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ cH cắt đứt mọi quan hệ tình cảm cho đến nay. Nay bản thân chị xác định không còn tình cảm với anh H1, vợ cH không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

- Về con chung: Vợ cH có 01 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/12/2002. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, có công ăn việc làm nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 trình bày tại biên bản ghi lời khai với Tòa án như sau:* Anh và chị H trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang vào năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2019 vợ cH nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bản thân anh có uống rượu và đánh đuổi chị H. Vợ cH ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Tuy nhiên chị H khởi kiện xin ly hôn anh không đồng ý vì con đã lớn, bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị H.

Về con chung: Vợ cH có 01 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/12/2002. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, đang ở cùng anh, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Qua xác minh với chính quyền địa phương thôn Khoát, xã Nghĩa Hưng, huyện LG thì thấy:* Vợ cH anh H1, chị H có đăng ký kết hôn hợp pháp, trong quá trình chung sống vợ cH có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh H1 rượu chè nên vợ cH xô xát. Từ đầu năm 2021 chị H đã về nhà bố mẹ để ở x ã ĐM sinh sống. Giữa chị H và anh H1 có 01 con chung nhưng cháu đã trên 18 tuổi. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, không mở phiên họp hòa giải do chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án.

*\* Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và đều xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến về việc T theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng*

xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa T thủ theo đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng xử cho chị H được ly hôn anh H1. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Minh T nhưng đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của chị Trần Thị H cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Bị đơn là anh Nguyễn Văn H1 cư trú tại Thôn Khoát, xã Nghĩa Hưng, huyện LG, tỉnh BG. Do đó xác định đây là tranh chấp hôn nhân gia đình cụ thể là ly hôn, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang vào ngày 02/01/2002 nên xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Từ đơn khởi kiện cho đến bản tự khai và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn, lời khai của bị đơn đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, hai bên không còn quan hệ tình cảm với nhau. Anh H1 không muốn ly hôn vì con chung

đã lớn và bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng sống chung thủy, yêu thương tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt, nhưng hôn nhân của chị H và anh H1 không đạt được mục đích đó. Anh chị hiện không chung sống cùng nhau, thời gian ly thân đã quá dài, không còn quan tâm tới nhau khiến tình cảm vợ chồng bị xa cách, không có khả năng đoàn tụ. Anh H1 mặc dù không muốn ly hôn nhưng chị H kiên quyết xin ly hôn, do đó Tòa án căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

[3]. Về con chung: Chị H và anh H1 đều thừa nhận, quá trình chung sống với nhau anh chị có 01 con chung cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/12/2002. Cháu Nguyễn Minh T hiện nay đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.
2. Án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012827 ngày 29/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.
3. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

*Án xử công khai sơ thẩm./.*

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Nghĩa Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

**Vũ Thị Thiêm**